TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thành
2. Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà*:** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn H**, sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị **Lục Thị X**, sinh năm 1980
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương.
Địa chỉ: Bản P, xã Đ, huyện A, tỉnh Cao Bằng.

3. Người làm chứng:

- Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Anh Lục Văn T2, sinh năm 1976

Địa chỉ: Bản P, xã Đ, huyện A, tỉnh Cao Bằng.

(Tại phiên tòa anh H có mặt; chị X và những người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và lời khai của nguyên đơn thể hiện: Anh H và chị X kết hôn vào ngày 13/9/2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hợp Đức (nay là xã Q), huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách và lối sống nên thường xuyên xô xát, cãi nhau. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nH tình trạng vợ chồng vẫn không được cải thiện. Đến nay anh xác định không còn tình cảm với chị X nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị X.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Phạm Bằng D, sinh ngày 15/2/2019. Hiện nay cháu D đang ở với anh. Khi ly hôn anh xin nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh làm kinh doanh về lĩnh vực đào móng và san lấp mặt bằng, sở hữu 01 máy xúc và có thuê nhân công làm; thu nhập trung bình 1 tháng là 50 triệu đồng. Cháu D đang ở cùng anh và ông bà nội. Bố anh có lương hưu, bố mẹ anh sẽ hỗ trợ anh trong việc chăm sóc cháu D.

Về tài sản, công sức, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị Lục Thị X trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng chị đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, đặc biệt là sau khi sinh con, mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên gay gắt, căng thẳng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn như anh H đã trình bày nêu trên. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nH tình trạng vợ chồng vẫn không được cải thiện. Chị xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên nhất trí ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung, tên tuổi như anh H đã trình bày. Khi ly hôn chị xin nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm nghề Spa, cắt tóc, gội đầu, thu nhập trung bình 01 tháng của chị trước khi có dịch bệnh covid là 10 triệu đồng, tuy nhiên hiện nay do ảnh hưởng của dịch bệnh covid nên thu nhập của chị giảm sút, làm chỉ đủ chi tiêu. Chị có nhà đất riêng, lại ở sát cạnh bố mẹ nên có thể nhận được giúp đỡ từ bố mẹ trong việc chăm sóc cháu D.

Về tài sản, công sức, nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Lời khai của người làm chứng là anh Lục Văn T2, ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị H1 cũng như kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Trong

thời gian chung sống, vợ chồng chị X, anh H đã nảy sinh mâu thuẫn, gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nH tình trạng vợ chồng vẫn không được cải thiện. Ngoài ra, anh T2 là anh trai chị X còn đề nghị Tòa án giao con cho chị X nuôi dưỡng, gia đình sẽ hỗ trợ chị X nuôi dưỡng, giáo dục cháu D. Bà H1 và ông T1 là bố mẹ đẻ của anh H ý kiến ông bà luôn giúp đỡ, hỗ trợ anh H trong việc nuôi con, sẽ tạo điều kiện về nơi ở ổn định, lâu dài cho bố con anh H, đồng thời sẵn sàng tách đất nếu anh H có nhu cầu ra ở riêng; đề nghị Toà án giao con cho anh H nuôi để ổn định cuộc sống của cháu D.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Anh H trình bày và giữ nguyên ý kiến của nguyên đơn như đã nêu trên. Anh H còn khai: Ngoài cháu D, chị X còn có 02 con riêng với người chồng cũ nên điều kiện nuôi con của chị X không thể tốt bằng anh. Vì vậy khi ly hôn, đề nghị Tòa án giao con cho anh nuôi, anh tự nguyện không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con và tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn trong vụ án này.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 229, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh H và chị X. Về con chung: Giao con chung là Phạm Bằng D, sinh ngày 15/2/2019 cho anh H nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con và tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn, người làm chứng vắng mặt nH trước đó đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh H, chị X có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hợp Đức (nay là xã Q), huyện T, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của đương sự, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh H, chị X đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nH tình trạng vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nay vợ chồng

đều xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên thuận tình ly hôn nhau. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh H, chị X là phù hợp với quy định của Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh H, chị X có 01 con chung là Phạm Bằng D, sinh ngày 15/2/2019. Anh H, chị X đều có nguyện vọng xin nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cả hai anh chị đều có công việc và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện nuôi con. Qua tài liệu do chị X cung cấp và lời khai của anh H thể hiện: Trước khi lấy anh H chị X đã có 02 con với người chồng trước. Khi ly hôn, tuy chị X không phải là người trực tiếp nuôi 02 con này, cũng không phải cấp dưỡng nuôi con theo Quyết định của Tòa án, nH HĐXX xét thấy vì đã có con riêng nên về thực tế ít nhiều chị X sẽ phải có trách nhiệm với các con riêng đó; trong khi anh H chưa có người con nào khác ngoài cháu D. Mặt khác, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu D vẫn ở với bố và ông bà nội, được địa phương xác nhận cháu vẫn phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Ngoài ra, hiện nay thu nhập của chị X ít nhiều bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid trong khi anh H có thu nhập cao và ổn định hơn. Vì vậy Tòa án đánh giá anh H hiện nay đang có điều kiện nuôi con tốt hơn chị X. Để đảm bảo quyền lợi cao nhất của con chung, đồng thời để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu D, cần giao cháu D cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh H tự nguyện không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu cả 150.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được HĐXX chấp nhận. Hoàn lại cho nguyên đơn 150.000đ tiền tạm ứng án phí còn thừa theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn H và chị Lục Thị X.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Bằng D, sinh ngày 15/2/2019 cho anh Phạm Văn H nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận tự nguyện của anh H không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

Chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh H chịu 150.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0003379 ngày 25/2/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải D, anh H đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí. Hoàn trả anh H số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 150.000đ.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhung